

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2021/HS-ST**
Ngày 09-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Thái.

Ông Nguyễn Công Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Võ Thị T, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1990 tại xã T, huyện P, tỉnh Q. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Q. Nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th; có chồng tên Nguyễn Hữu T và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: Ngày 27/11/2020, bị Tòa án nhân dân tỉnh Q xử phạt 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 54/2020/HS-ST; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/11/2017, bị Công an thị trấn T, huyện T, tỉnh Q xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 (Hai triệu) đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” tại Quyết định số 65/QĐ-XPHC; bị bắt tạm giữ ngày 31/12/2020, chuyển tạm giam ngày 06/01/2021. Có mặt.

- Bị hại:

+ Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1970. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện S, tỉnh Q.

+ Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1970. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Q.

+ Bà Lương Thị B, sinh năm 1963. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện P, tỉnh Q.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1967. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện P, tỉnh Q.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 30/12/2020, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 92N1 - 093.98 đi từ nhà mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Th thuộc thôn V, xã T, huyện P, tỉnh Q đến chợ R thuộc thôn A, xã T, huyện P. Khi đi vào chợ, bị cáo phát hiện tại quầy bán gạo nếp của bà Lương Thị B có một cái bao nylon màu đỏ, bên trong đựng tiền nhưng không có người quản lý, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản này. Bị cáo đi lại vị trí để bao nylon, cầm lấy bao nylon đi ra vị trí để xe rồi điều khiển xe về nhà bà Th. Sau khi về nhà bà Th, bị cáo T đi vào phòng, đóng cửa lại, mở bao nylon và kiểm tra thấy bên trong có 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen có gắn sim số 0796822312, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime, màu đen có gắn sim (không rõ số sim), số tiền 2.500.000 đồng, 01 cây bút bi, 03 quyển sổ ghi chép và 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Lương Thị B. Bị cáo T tháo sim của 02 điện thoại trộm cắp được ra và bỏ hai sim này vào bao nylon màu đỏ, sau đó gắn thẻ sim số 0382006543 của mình vào điện thoại Samsung J7 Prime để sử dụng, bị cáo lấy điện thoại Nokia 105 bỏ vào túi xách của mình, lấy điện thoại Samsung J7 Prime và số tiền 2.500.000 đồng bỏ vào túi áo khoác chung với tiền của bị cáo.

Đến khoảng 07 giờ ngày 31/12/2020, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 92N1 - 093.98 đi từ nhà bà Th đến chợ Đ thuộc thôn P, xã C, huyện S, tỉnh Q. Trên đường đi, bị cáo T đã rút bao nylon màu đỏ, bên trong có 01 cây bút bi, 02 sim điện thoại, 03 quyển sổ ghi chép, 01 thẻ bảo hiểm y tế (không xác định được địa điểm rút bỏ). Khoảng 10 giờ cùng ngày, bị cáo đến chợ Đ. Khi vào chợ, bị cáo đi ngang qua quầy bán thịt của bà Nguyễn Thị Bích H, thấy không có ai nên bị cáo

nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo đi lại ngăn kéo của bàn để thịt, kéo ngăn kéo ra và lấy trộm 01 cái ví màu đỏ của chị H, bên trong có số tiền 4.020.000 đồng, 01 tờ tiền Malaysia. Sau khi lấy trộm, bị cáo T đem tài sản vừa trộm cắp được, bỏ vào cốp xe mô tô biển số 92N1 - 093.98. Bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 92N1 - 093.98 đi đến chợ P thuộc tổ dân phố L, thị trấn Đ, huyện S. Bị cáo gửi xe mô tô trên rồi đi bộ vào chợ. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo phát hiện tại quầy bán thịt của bà Huỳnh Thị T không có người trông coi nên đã lấy trộm 01 túi xách có quai đeo màu rằn ri của chị T để trong thùng xốp dưới bàn bán thịt, bên trong có số tiền 59.425.000 đồng và 02 sổ tiết kiệm của chị T. Lúc này, bà Nguyễn Thị T là người bán thịt bên cạnh quầy của chị T phát hiện nên chạy lại giật túi xách trên tay bị cáo, tri hô mọi người bắt giữ bị cáo và báo cáo sự việc đến cơ quan Công an. Công an huyện S đã lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ các tang vật liên quan đến hành vi trộm cắp của bị cáo T.

Tại bản kết luận định giá ngày 20/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện S kết luận:

+ 01 (một) túi xách có quai đeo màu rằn ri có chữ U.S.A RMY, kích thước 27cmx20cm mua vào tháng 12 năm 2020 với giá 50.000 đồng. Giá trị định giá 0 đồng (không đồng).

+ 01 (một) ví da cầm tay màu đỏ, kích thước 21cmx12cm, bề mặt có chữ DBOLY bị bong tróc một phần mua vào tháng 10 năm 2019 (âm lịch) có giá 170.000 đồng. Giá trị định giá 0 đồng (không đồng).

+ 01 (một) tờ tiền Malaysia mệnh giá 1 (một) có số seri GQ7321298. Giá trị định giá 5.666 đồng (Năm nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Tại bản kết luận định giá ngày 21/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, loại 105 đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 30/12/2020 là 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng).

+ 01 (một) điện thoại Samsung J7 Prime màu đen đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 30/12/2020 là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

+ 01 (một) túi xách có quai đeo màu rằn ri có chữ U.S.A RMY, kích thước 27cmx20cm; 02 (hai) thẻ tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng Sacombank số CS382545 và CS296288 mang tên Huỳnh Thị T và số tiền 59.425.000 đồng. (Đã giao trả lại cho chủ sở hữu là bà Huỳnh Thị T).

+ 01 (một) ví da cầm tay màu đỏ, kích thước 21cmx12cm, bề mặt có chữ DBOLY bị bong tróc một phần; 01 (một) tờ tiền Malaysia mệnh giá 1 (một) có số seri GQ7321298; 01 (một) tờ giấy điện 7cmx5cm có ghi nội dung: 17/11.D-

240+60Y. Gân-50. Vai - 138-35y.2.590.000 và số tiền 4.020.000 đồng. (Đã giao trả lại cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Bích H).

+ 01 (một) điện thoại Samsung J7 Prime màu đen, có số seri R58HA0034LJ; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, loại 105. (Đã giao trả lại cho chủ sở hữu là bà Lương Thị B).

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Nouvo màu xanh, biển số 92N1-093.98. (Đã giao trả lại cho chủ sở hữu là ông Võ Văn Đ).

+ 01 (một) áo mưa tiện lợi màu xanh da trời có nhãn ghi “Phú Sang PLASTIC”; 01 (một) áo mưa kiểu cánh dơi màu xanh, in nhiều hình ngôi sao có chữ TPP; 01 (một) sim điện thoại số 0382006543; 01 (một) túi da đeo màu nâu cao 18cm, dài 22cm, đáy rộng 10cm, dây đeo dài 98cm có chữ CHARLES&KEITH; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Võ Thị T.

+ Số tiền 4.126.000 đồng. (Đã giao trả lại cho bà Lương Thị B số tiền 2.500.000 đồng).

Tại Bản cáo trạng số 07/CT-VKSQS ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Q đã truy tố bị cáo Võ Thị T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Q vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Võ Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Võ Thị T mức án từ 30 đến 36 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (31/12/2020).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo mưa tiện lợi màu xanh da trời có nhãn ghi “Phú Sang PLASTIC”; 01 (một) áo mưa kiểu cánh dơi màu xanh, in nhiều hình ngôi sao có chữ TPP; 01 (một) sim điện thoại số 0382006543 và 01 (một) túi da đeo màu nâu cao 18cm, dài 22cm, đáy rộng 10cm, dây đeo dài 98cm có chữ CHARLES&KEITH. Trả lại cho bị cáo một chứng minh nhân dân tên Võ Thị T và tiếp tục tạm giữ số tiền 1.626.000 đồng của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Thị T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Q. Bị hại - bà Nguyễn Thị Bích H và bà Huỳnh Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Võ Thị T.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện nay rất khó khăn, chồng bị cáo đang đi chấp hành án phạt tù và các con còn nhỏ dại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy những người này đã có lời khai tại hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Quá trình tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Võ Thị T đã thừa nhận hành vi phạm tội đối chiếu với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Trong các ngày 30, 31 tháng 12 năm 2020, tại các chợ trên địa bàn huyện P và huyện S, tỉnh Q, bị cáo T đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của nhiều người gồm: Bà Lương Thị B, bà Nguyễn Thị Bích H và bà Huỳnh Thị T. Tổng giá trị tài sản bị cáo T đã trộm cắp là 67.050.666 (*Sáu mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn sáu trăm sáu mươi sáu*) đồng.

Với hành vi nêu trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Võ Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bản cáo trạng số 07/CT-VKSQS ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Q và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Quyền sở hữu tài sản của mọi công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở và mất cảnh giác của người khác để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho

xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Về nhân thân: Ngày 15/11/2017, bị cáo bị Công an thị trấn T, huyện T, tỉnh Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Ngày 22/11/2017, bị cáo đã chấp hành quyết định này.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T có 01 tiền án về tội “Đánh bạc”, chưa chấp hành xong hình phạt mà lại tiếp tục phạm tội mới do cố ý. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản ba lần của ba người khác nhau. Vì vậy, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm” và “Phạm tội hai lần trở lên”, được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Khi bị bắt quả tang về hành vi phạm tội tại chợ P, bị cáo đã tự nguyện khai báo hành vi phạm tội của mình tại chợ Đ, chợ R trước đó, tài sản trộm cắp đã được thu hồi giao trả lại cho bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hiện nay, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, chồng bị cáo đang chấp hành án phạt tù và các con còn nhỏ dại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa nhưng nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo học tập, cải tạo trở thành người công dân tốt.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại gồm bà Lương Thị B, bà Nguyễn Thị Bích H và bà Huỳnh Thị T đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Đối với 01 (một) áo mưa tiện lợi màu xanh da trời có nhãn ghi “Phú Sang PLASTIC”; 01 (một) áo mưa kiểu cánh dơi màu xanh, in nhiều hình ngôi sao có chữ TPP; 01 (một) sim điện thoại số 0382006543 và 01 (một) túi da đeo màu nâu cao 18cm, dài 22cm, đáy rộng 10cm, dây đeo dài 98cm có chữ CHARLES&KEITH. Đây là những tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội. Tại phiên tòa, bị cáo T không yêu cầu được nhận lại và đề nghị Hội đồng xét xử tiêu hủy nên cần tịch thu tiêu hủy những tài sản này.

- Đối với 01 chứng minh nhân dân tên Võ Thị T, bị cáo có đơn xin nhận lại nên Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn đã tiến hành giao trả cho bị cáo.

- Đối với số tiền 1.626.000 đồng của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án, bị cáo được nhận số tiền còn lại sau khi thi hành án xong.

- Đối với các vật chứng khác thu giữ trong vụ án, Cơ quan điều tra đã giao trả lại cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8]. Đối với xe mô tô biển số 92N1 - 093.98 mà bị cáo T sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, đây là xe thuộc quyền sở hữu của ông Võ Văn Đ (cha ruột của bị cáo). Khi cho bị cáo T mượn xe, ông Đ không biết bị cáo sử dụng xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên không đặt vấn đề xử lý đối với ông Đ là phù hợp.

Đối với 01 bao nylon màu đỏ, bên trong có 01 cây bút bi, 02 sim điện thoại, 03 quyển sổ ghi chép và 01 thẻ bảo hiểm y tế mà bị cáo T đã trộm cắp của bà Lương Thị B; bị cáo T đã vứt bỏ nhưng không xác định được vị trí vứt bỏ nên không truy tìm được, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Về án phí: Bị cáo Võ Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Võ Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị T 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (31/12/2020).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; xử:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo mưa tiện lợi màu xanh da trời có nhãn ghi “Phú Sang PLASTIC”; 01 (một) áo mưa kiểu cánh dơi màu xanh, in nhiều hình ngôi sao có chữ TPP; 01 (một) sim điện thoại số 0382006543 và 01 (một) túi da đeo màu nâu cao 18cm, dài 22cm, đáy rộng 10cm, dây đeo dài 98cm có chữ CHARLES&KEITH.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.626.000 (Một triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn) đồng của bị cáo Võ Thị T để đảm bảo cho công tác thi hành án. Số tiền còn lại sau khi thi hành án xong được giao trả lại cho bị cáo Võ Thị T.

(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/3/2021. Riêng số tiền 1.626.000 đồng được gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện S theo giấy ủy nhiệm chi ngày 15/3/2021).

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Võ Thị T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09-4-2021). Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Văn phòng Công an huyện Quế Sơn;
- Cơ quan điều tra CA huyện Quế Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo, người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Thị Kim Phụng